TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 23-01-2019
V/v: "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Ngọc Cẩm Sơn

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Hoàng Phúc

2/ Ông Nguyễn Văn Diệp

- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Ngọc Sơn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

Trong ngày 23 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 12/2019/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2019 về việc: "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2019/QĐXX-ST ngày 08 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Võ Văn T, sinh năm 1977. Có mặt.
Nơi cư trú: Số 187 ấp P, xã Q, huyện C, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Chị Đào Thị T, sinh năm 1978. (Mất tích).
ĐKTT: Số 141 ấp B, xã H, huyện T, tỉnh Long An.
Nơi cư trú cuối cùng: Số 187 ấp P, xã Q, huyện C, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14/11/2018 và những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn anh Võ Văn T trình bày:

Anh và chị Đào Thị T quen biết và cưới nhau vào năm 1999, hôn nhân tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Long An vào ngày 01/10/2003. Sau khi kết hôn anh và chị T chung sống hạnh phúc tại địa chỉ ấp B, xã H, huyện T, tỉnh Long An và có với nhau được một con chung tên Võ Thị Diễm T, sinh ngày 22/5/2000. Tuy nhiên, đến năm 2006 vợ chồng anh đã chuyển về sinh sống tại địa chỉ số 187 ấp P, xã Q, huyện C, tỉnh Bến Tre. Sau đó,

đến năm 2010 thì cuộc sống hôn nhân giữa anh và chị T bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống, không hợp ý nhau, thường xuyên cãi vã. Đến ngày 22/12/2012 thì chị T đã bỏ đi biệt tích cho đến nay và không có liên lạc gì với anh. Anh đã cùng gia đình tìm kiếm 05 năm nay nhưng vẫn không có tin tức gì của chị T nên ngày 09/8/2017 anh làm đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố chị T mất tích. Đến ngày 04/10/2018 Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre đã tuyên bố chị T mất tích theo quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 03/2018/QĐ-VDS và quyết định đã có hiệu lực pháp luật. Nay anh nhận thấy tình cảm giữa anh và chị T không còn nên anh làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Đào Thị T.

Về con chung: Quá trình sống chung anh chị có một con chung tên Võ Thị Diễm T, sinh ngày 22/5/2000, đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa anh Võ Văn T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không cung cấp chứng cứ gì thêm.

Chị Đào Thị T bị Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre tuyên bố mất tích theo quyết định số 03/2018/QĐ-VDS ngày 04/10/2018 đến nay vẫn không có tin tức gì nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

Anh Võ Văn T có đơn khởi kiện xin ly hôn đối với chị Đào Thị T, nơi cư trú cuối cùng số 187 ấp P, xã Q, huyện C, tỉnh Bến Tre và chị T bị Tòa án tuyên bố mất tích theo quyết định số 03/2018/QĐ-VDS ngày 04/10/2018. Xét thấy, đây là tranh chấp về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Võ Văn T và chị Đào Thị T chung sống với nhau vào năm 1999, trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện T, tỉnh Long An vào ngày 01/10/2003 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình sống chung giữa anh T và chị T phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống, không hợp ý nhau, thường xuyên cãi vã nên chị T đã bỏ đi biệt tích từ ngày 22/12/2012 cho đến nay và không có tin tức gì. Chị T đã bị Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre đã tuyên bố mất tích theo quyết định số 03/2018/QĐ-VDS ngày 04/10/2018 và quyết định đã có hiệu lực pháp luật. Tại phiên tòa, anh T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện

và xác định không còn tình cảm với chị T nên yêu cầu ly hôn. Căn cứ vào khoản 2 Điều 68 Bộ luật dân sự và khoản 2 Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình thì yêu cầu xin ly hôn của anh T là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về quan hệ con chung: Quá trình sống chung anh T và chị T có một con chung tên Võ Thị Diễm T, sinh ngày 22/5/2000, đã trưởng thành nên Tòa án không xem xét.

[3] Về tài sản chung: Anh T khai không có, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[4] Về nợ chung: Anh T khai không có, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của anh T được chấp nhận nên anh Tư phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 144, 147, 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 68 Bộ luật dân sự; khoản 2, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

[1] Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Võ Văn T. Cho anh Võ Văn T được ly hôn với chị Đào Thị T.

[2] Về con chung: Có một con chung tên Võ Thị Diễm T, sinh ngày 22/5/2000, đã trưởng thành nên Tòa án không xem xét.

[3] Về tài sản chung: Anh T khai không có, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[4] Về nợ chung: Anh T khai không có, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Võ Văn T phải chịu là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0020660 ngày 24 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

[6] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- UBND xã H, huyện T, tỉnh Long An;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký và đóng dấu)

Võ Ngọc Cẩm Sơn